

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2019

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tâm;

Ông Ngô Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Chau Mô Ni R, sinh năm 1992, nơi cư trú: t6, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Neàng N, sinh năm 1996, nơi cư trú: t9, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt;

- *Người phiên dịch:* Ông Lục Tà Dung – Cán bộ Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện lại ngày 14 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Chau Mô Ni R trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Ông Chau Mô Ni R và bà Neàng N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2015 thì giữa vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn xảy ra, do bất đồng ý kiến, cãi nhau thường xuyên, từ đó thì đã ly thân và không còn chung sống với nhau, hiện nay theo ông được biết bà N cũng đã có gia đình khác, ông R yêu cầu được ly hôn với bà N; Về con chung: Có một (01) con chung tên Chau Thi N1,

sinh ngày 05 tháng 01 năm 2014. Ông R đồng ý giao cho bà N quyền nuôi dưỡng con chung và ông không cấp dưỡng; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Neàng N đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy giữa ông Chau Mô Ni R và bà Neàng N chung sống như vợ chồng từ năm 2013, không đăng ký kết hôn và theo lời khai của ông R xác định vợ chồng chung sống được hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn, do không hợp nhau, mỗi người ở mỗi nơi không ai liên hệ nhau. Về hôn nhân giữa ông R và bà N không đăng ký kết hôn, nên không đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận ông Chau Mô Ni R và bà Neàng N là vợ chồng. Về con chung: có một (01) con chung tên Chau Thi N1, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2014, ông R đồng ý giao cho bà N quyền nuôi dưỡng con chung. Do đó, trên cơ sở xem xét điều kiện sinh hoạt, học tập và sự tự nguyện của ông R cũng phù hợp pháp luật, nên cần giao con chung cho bà Neàng N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Neàng N vắng mặt. Nguyên đơn ông Chau Mô Ni R vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Neàng N có hộ khẩu thường trú tại T9, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn bà Neàng N đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Chau Mô Ni R và bà Neàng N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì “*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Chau Mô Ni R và bà Neàng N theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Có một (01) con chung tên Chau Thi N1, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2014. Tại thời điểm xét xử cháu Nit trên 05 tuổi, ông Chau Mô Ni R thống nhất giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Sự thống nhất này trên cơ sở tự nguyện, cũng như phù hợp điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu Nit và phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, do đó giao cho bà Neàng N được quyền nuôi dưỡng con chung; Về cấp dưỡng do bà N vắng mặt không có ý kiến, nên không xem xét giải quyết, bà N được quyền yêu cầu phí cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi và tự lao động được bằng vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[2.5] Về án phí: Ông Chau Mô Ni R khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Bà Neàng N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
- Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Chau Mô Ni R với bị đơn bà Neàng N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Chau Mô Ni R và bà Neàng N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên Chau Thi N1, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2014 cho bà Neàng N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Chau Mô Ni R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neàng N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau Mô Ni R thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Chau Mô Ni R phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014634 ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa